

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN DƯƠNG  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HS-ST  
Ngày 22-4-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Việt Cường.

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Phạm Văn Vượng.

2. Ông Nguyễn Danh Long.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Trần Thị Minh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2022 đối với:

**Bị cáo: Phạm Thị T** - Sinh ngày: 10-12-1958 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Phạm Quang C1 – Sinh năm: 1934; Con bà: Hoàng Thị C2 – Sinh năm: 1937; Chồng: Nguyễn Đăng M- Sinh năm 1958; Con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1984, con nhỏ nhất sinh năm 1989;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo Phạm Thị T bị bắt tạm giam từ ngày 19-01-2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

**Người chứng kiến:**

**- Ông Đồng Mạnh T1** – Chức vụ: Trưởng Công an xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

**- Ông Trần Mạnh C1** – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

**- Bà Phạm Thị H1** – Chức vụ: Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 14-01-2022, bị cáo Phạm Thị T một mình đi từ nhà đến khu vực chợ Mèo thuộc xã Đông Thọ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang mục đích tìm mua ma túy về bán lại cho các đối tượng nghiện ma túy để kiếm lời. Tại khu vực chợ Mèo, bị cáo T gặp và mua được 01 gói Heroine gói bằng giấy kẻ ô ly của một người đàn ông (không xác định được tên tuổi, địa chỉ) với số tiền 100.000đ. Sau khi mua xong, bị cáo T về nhà cất gói Heroine tại nóc tủ quần áo trong nhà bị cáo T. Đến khoảng 18 giờ ngày 19-01-2022, bị cáo T cầm gói Heroine nói trên ra ngoài đường liên thôn H, xã C, Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang mục đích tìm người để bán, nhưng chưa kịp bán thì bị Tổ công tác Công an huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang vào hồi 18 giờ 30 phút cùng ngày, thu giữ tại tay phải của bị cáo T 01 gói Heroine gói bằng giấy kẻ ô ly.

Tiến hành xét nghiệm chất ma túy đối với bị cáo Phạm Thị T, kết quả (-) Âm tính.

Kết luận giám định số: 178/GĐKTHS ngày 24-01-2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: Mẫu vật (thu giữ của Phạm Thị T) gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine; khối lượng 0,263g (Không phải hai sáu ba gam).

**Về vật chứng:** Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã tạm giữ 01 phong bì, bên trong có chứa ma túy đã được niêm phong, bên ngoài phong bì có chữ ký của bị cáo và đóng dấu của cơ quan giám định.

Tại cáo trạng số: 43/CT-VKS ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Thị T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

### ***Tại phiên tòa,***

Bị cáo Phạm Thị T thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo mua ma túy với mục đích là chữa bệnh gan mãn tính, không có mục đích bán kiếm lời. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang thực hành quyền công tố, có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Thị T. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đề nghị với HĐXX:

**Về tội danh:** Tuyên bị cáo Phạm Thị T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

**Về hình phạt:** Áp dụng khoản 1 Điều 251; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị T từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 19-01-2022.

**Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

*Tịch thu tiêu hủy vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ:*

01 (một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn, bên trong có chứa chất ma túy (đã giám định), đặc điểm, tình trạng, khối lượng được miêu tả trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định. Bên ngoài, mặt sau trên các mép dán có hình dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, chữ ký xác nhận của thành phần tham gia niêm phong và Phạm Thị T; mặt trước phong bì ghi “Tang vật vụ Phạm Thị T giám định ngày 19/01/2022”.

**Về án phí và quyền kháng cáo:** Theo quy định của pháp luật.

#### **Phản tranh luận tại phiên tòa:**

Bị cáo Phạm Thị T nhất trí với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát về án phí và quyền kháng cáo; không nhất trí về mức hình phạt. Bị cáo cho rằng mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị là cao. Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất vì bị cáo không đủ sức khỏe để đi chấp hành án. Đối với phần tội danh, bị cáo không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung luận tội. Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, trong khung hình phạt được quy định tại Bộ luật hình sự. Đề nghị HĐXX xem xét theo quy định của pháp luật.

**Quyền của bị cáo được nói lời sau cùng:** Bị cáo Phạm Thị T biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng và trở thành người công dân có ích cho xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Về trách nhiệm hình sự:** Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại tất cả các Bản tự khai và Biên bản hỏi cung bị can, bị cáo Phạm Thị T đều khai nhận: Bị cáo mua ma túy với mục đích bán lại cho các đối tượng nghiện khác để kiếm lời. Bị cáo khẳng định lời khai đó của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Như vậy, có thể khẳng định được những lời khai này hoàn toàn khách quan, thể hiện đầy đủ ý chí của bị cáo và không có ai hướng dẫn khai. Tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người chứng kiến đều khẳng định biên bản bắt người phạm tội quả tang đã ghi lại đúng toàn bộ lời trình bày của bị cáo, bị cáo đã được nghe lại toàn bộ nội dung biên bản, công nhận biên

bản ghi là đúng và ký tên trước sự có mặt của tất cả những người chứng kiến. Quá trình lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, bị cáo cũng thừa nhận và có thái độ chấp hành biên bản. Như vậy, có thể xác định được mục đích của bị cáo Phạm Thị T là mua ma túy với mục đích bán lại cho các đối tượng nghiện khác để kiếm lời.

Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Hồi 18 giờ 30 phút, ngày 19-01-2022, tại đường liên thôn H, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Bị cáo đã có hành vi tàng trữ 0,263g (Không phải hai sáu ba gam) Heroine, mục đích để bán kiếm lời.

Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Phạm Thị T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

**[2] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Chồng của bị cáo là thương binh mất sức lao động tỷ lệ 31% do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

**[3] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** Bị cáo Phạm Thị T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

**[4] Về hình phạt bổ sung:** HĐXX xét thấy, công việc chính của bị cáo là làm ruộng, thu nhập không ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

**[5] Tính chất và mức độ của hành vi phạm tội:** Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thị T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp tới chính sách độc quyền về quản lý chất ma túy của nhà nước. Bị cáo thực hiện việc mua bán trái phép chất ma túy cho các đối tượng nghiện, gây mất an ninh trật tự tại địa phương và là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt nghiêm khắc tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của mình.

Từ những phân tích tại mục [1] phần “Nhận định của Tòa án” tại Bản án này. Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai nhận về mục đích mua ma túy để làm thuốc chữa bệnh của bị cáo trình bày thể hiện bị cáo quanh co chối tội, không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên không có cơ sở, căn cứ để chấp nhận.

**[6] Về xử lý vật chứng:** Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Sơn Dương đã tạm giữ 01 phong bì, bên trong có chứa ma túy đã được niêm phong, bên ngoài phong bì có chữ ký của bị cáo và đóng dấu của cơ quan giám định. HĐXX xét thấy, đây là vật chứng của vụ án thuộc danh mục Nhà nước cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

*Tịch thu tiêu hủy vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ:*

01 (một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn, bên trong có chứa chất ma túy (đã giám định), đặc điểm, tình trạng, khối lượng được miêu tả trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định. Bên ngoài, mặt sau trên các mép dán có hình dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên

Quang, chữ ký xác nhận của thành phần tham gia niêm phong và Phạm Thị T; mặt trước phong bì ghi “Tang vật vụ Phạm Thị T giám định ngày 19/01/2022”.

**[7] Về án phí:** Buộc bị cáo Phạm Thị T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 “quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

**[8] Quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

**[9] Về hành vi tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, áp dụng biện pháp bắt tạm giam với bị can, ra quyết định truy tố; ra Cáo trạng; thu thập chứng cứ tài liệu đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Về tội danh và hình phạt:**

Áp dụng khoản 1 Điều 251; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Phạm Thị T **02 (hai)** năm **03 (ba)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo Phạm Thị T bị bắt tạm giam, ngày 19-01-2022.

**Về vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

*Tịch thu tiêu hủy vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ:*

01 (một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn, bên trong có chứa chất ma túy (đã giám định), đặc điểm, tình trạng, khối lượng được miêu tả trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định. Bên ngoài, mặt sau trên các mép dán có hình dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, chữ ký xác nhận của thành phần tham gia niêm phong và Phạm Thị T; mặt trước phong bì ghi “Tang vật vụ Phạm Thị T giám định ngày 19/01/2022”.

*(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05 tháng 4 năm 2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang).*

**Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 “quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Buộc bị cáo Phạm Thị T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 22-4-2022).

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Công an huyện Sơn Dương;
- Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- Sở tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- Lưu hs, hstha, vp.

**T-M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

**Nguyễn Việt Cường**